

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 277/2018/HNGĐ-ST;
Ngày: 12/6./2018;
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con
chung khi ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cao Thị Thu Thủy**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Văn Vẹn**;

2/ Bà **Dương Hiền Huệ**;

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Vĩnh Lộc**, thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Bà **Lý Nguyễn Huyền Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2018/QĐXX-ST ngày 24/5/2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn A** – sinh năm: 1987;

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Chị **Trần Thị B** - sinh năm: 1988;

Địa chỉ: ấp M1, xã N1, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

(Anh A có mặt, chị B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn A trình bày:

Anh và chị Trần Thị B cưới nhau vào năm 2006 do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N vào năm 2011. Cuộc sống chung của vợ chồng anh rất hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng trong cuộc sống hôn nhân. Chúng tôi đã ly thân từ tháng

01/2018. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị B.

Về con chung: Có hai con chung, cháu Nguyễn Trần Đăng C, sinh ngày 12/8/2011 và Nguyễn Trần Đăng D, sinh ngày 16/10/2016. Hiện tại hai con đang sống với chị B. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cháu Đăng C, cháu Đăng D để chị B tiếp tục nuôi dưỡng. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Đăng D mỗi tháng 650.000 đồng cho đến khi cháu Đăng D tròn 18 tuổi lao động được. Anh không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi cháu Đăng C.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 11/4/2018, bị đơn chị Trần Thị B trình bày: Chị và anh A cưới nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N. Nay anh A xin ly hôn, chị đồng ý vì chị không còn tình cảm với anh A.

Về con chung: Chị thống nhất với lời trình bày của anh A về con chung. Hiện tại hai con đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Đăng D và yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Chị đồng ý giao cháu Đăng C cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị B khai không có.

Do bận công việc và có con nhỏ nên chị yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt chị.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Về nội dung, xét thấy việc mâu thuẫn giữa anh A và chị B là có thật, Tòa án đã triệu tập chị B nhiều lần nhưng chị B đều vắng mặt đồng thời có bản tự khai đồng ý ly hôn với anh A, qua đó cho thấy chị B không muốn hàn gắn tình cảm với anh A. Về con chung, cháu D đang sống ổn định với chị B; cháu C đang sống ổn định với anh A nên yêu cầu của anh A là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Nguyễn Văn A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị B, giải quyết vấn đề con chung giữa anh chị, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, nuôi con chung sau khi ly hôn” theo quy định tại Điều 51 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Chị Trần Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị B.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của anh A, Tòa xét thấy: Tại phiên tòa anh A trình bày cuộc sống vợ chồng anh cũng hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị B không chăm lo cuộc sống gia đình và chị

B nghi ngờ anh có người phụ nữ khác bên ngoài nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh chị đã ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay. Đồng thời tại bản tự khai ngày 11/4/2018, chị B đồng ý ly hôn với anh A vì chị không còn tình cảm với anh A. Tòa án đã triệu tập chị B nhiều lần nhằm tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng chị B vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị là trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của anh A, cho anh A được ly hôn với chị B.

[4] Về con chung: Tại phiên tòa anh A trình bày hiện tại cháu C đang sống chung với anh, cháu D đang sống chung với chị B. Xét thấy cháu C đang sống ổn định với anh A, cháu D đang sống ổn định với chị B. Do đó việc anh A để chị B nuôi dưỡng cháu D, anh A nuôi dưỡng cháu C là có căn cứ và phù hợp với yêu cầu của chị B nên Tòa án chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng: Chị B yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi cháu D theo quy định pháp luật, tại phiên tòa anh A đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu D mỗi tháng 1.000.000 đồng nên Tòa án ghi nhận.

[6] Về án phí: Anh A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 110 và 116 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn A.

- Về tình cảm: Anh Nguyễn Văn A được ly hôn với chị Trần Thị B.

- Về con chung:

+ Anh Nguyễn Văn A được quyền nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Trần Đăng C, sinh ngày 12/8/2011.

+ Chị Trần Thị B được quyền nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Trần Đăng D, sinh ngày 16/10/2016.

+ Anh Nguyễn Văn A và chị Trần Thị B có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn.

- Về cấp dưỡng: Buộc anh Nguyễn Văn A cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Trần Đăng D, sinh ngày 16/10/2016 mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 12/6/2018 cho đến khi cháu D tròn 18 tuổi lao động được.

2. Án phí: Anh Nguyễn Văn A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Anh A đã nộp 300.000

đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 36362 ngày 13/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, như vậy anh A còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Anh Nguyễn Văn A có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Chị Trần Thị B có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án卷.

(đã ký và đóng dấu)

Cao Thị Thu Thủy